Mẫu: CBTT/SGDHCM-02

CÔNG TY
CỔ PHẦN CÁT LỢI

Số 210 /CPCL-TCKT
V/v Công bố thông tin.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L="934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh", CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0303185504, E=clco@catloi.com.vn
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.10 11:01:53+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.0.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.
- Mã chứng khoán: CLC
- Địa chỉ trụ sở chính: 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), P. Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 37421118.
- Fax: (028) 37420923.
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Minh.
  Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2025 (đính kèm).

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế. Không có

Lý do: Không có

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10 /04/2026 tại đường dẫn: http://www.catloi.com.vn

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0303185504 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Minh

vinataba
CAT LOI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 04/2026

MỤC LỤC

Trang

I. Thông tin chung 1

1. Thông tin khái quát 1

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 2

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .. 2

4. Định hướng phát triển 3

5. Các rủi ro 4

II. Tình hình hoạt động trong năm 4

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 4

2. Tổ chức và nhân sự 5

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 7

4. Tình hình tài chính 8

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 9

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 11

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc 14

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 14

2. Tình hình tài chính 17

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 19

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 19

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 24

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 24

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 25

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 25

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty 26

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 27

V. Quản trị Công ty 28

1. Hội đồng quản trị 28

2. Ban Kiểm soát 35

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát 39

VI. Báo cáo tài chính 41

1. Ý kiến kiểm toán 41

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 43

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Năm 2025

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cát Lợi.
- Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/07/2025 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Vốn điều lệ: 262.075.830.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 262.075.830.000 VND.
- Địa chỉ: 934 D2 Đường D, Khu CN Cát Lái (Cụm 2), P. Cát Lái, TP. HCM.
- Số điện thoại: 028.37421118
- Số fax: 028.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC
- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19/02/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 25/07/2025 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.

+ Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì, sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điếu trong cả nước từ Bắc tới Nam và xuất khẩu.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Kế hoạch - Vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Kỹ thuật.
- Kho.
- Phân Xưởng In.
- Phân Xưởng Cây đầu lọc.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc.

c. Các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh:

- Công ty liên doanh:

STT	Tên Doanh nghiệp	Vốn góp của Công ty (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty TNHH Bao bì C&A	6.000.000.000	50%

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Liên tục đổi mới, đồng hành gắn kết với khách hàng và phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sáp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của cán bộ, công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;
- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị theo thông lệ quản trị tiên tiến và phù hợp quy định pháp luật hiện hành;
- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất nhằm giảm thiểu tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sáp, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị sản xuất đầu lọc capsules, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khoẻ bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Lựa chọn các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả;
- Chú trọng sự hợp tác, từng bước mở rộng sự phát triển của Công ty liên doanh sản xuất bao bì được Công ty góp vốn thành lập từ đầu năm 2024, góp phần vào định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty trong việc mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất bao bì hàng tiêu dùng ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau không chỉ riêng bao bì thuốc lá;
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển Khoa học và Công nghệ để đáp ứng sự phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con, Chi nhánh tại các vùng miền khác nhau để phát triển;

- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp;
- Chú trọng đầu tư đổi mới phát triển Khoa học và Công nghệ hướng tới chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội, cộng đồng.

5. Các rủi ro

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng không tốt, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc lá điếu và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của Công ty;
- Sự biến động địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới: Xung đột Nga – Ukraine, Trung Đông, Châu Phi..., cùng với những căng thẳng thương mại giữa các nước lớn gây bất ổn đến kinh tế toàn cầu làm ảnh hưởng tới nguồn cung cũng như giá nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh (%)	
				TH2025/ TH2024	TH2025/ KH2025
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, DTTC, TN khác)	3.705.573	3.760.000	4.144.175	111,84	110,22
2. Lợi nhuận trước thuế	190.292	206.000	227.968	119,80	110,66
3. Lợi nhuận sau thuế	150.229	164.800	182.049	121,18	110,47

- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2025 đạt 4.144,18 tỷ đồng tương ứng 111,84% so với kế hoạch năm và đạt 110,22% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 182,05 tỷ đồng tương ứng 121,18% so với kế hoạch năm và đạt 110,47% so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Nguyễn Hoàng Minh	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	12/10/1980
+ Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	44.110 CP, chiếm 0,17% vốn điều lệ.
2. Ông Võ Đình Văn	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	01/01/1975
+ Nơi sinh:	Cà Mau
+ Quốc tịch:	Việt Nam

+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện - Điện tử, Thạc sỹ Kỹ thuật.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó Giám đốc.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	3.938 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	21/07/1982
+ Nơi sinh:	Hà Nội
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ in.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó Giám đốc.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	150.000 CP, chiếm 0,57% vốn điều lệ.
4. Ông Liêu Phước Tính	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	20/10/1985
+ Nơi sinh:	Vĩnh Long
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Kế toán trưởng.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	39 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ngày 30/06/2025 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã ra Nghị quyết số 321/NQ-CPCL thông qua việc bổ nhiệm lại đối với Ông Nguyễn Hoàng Minh, Giám đốc điều hành – Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/07/2025. Thời hạn bổ nhiệm 5 năm, kể từ ngày 01/07/2025.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2025 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	4
2. Đại học	89
3. Cao đẳng	20
4. Trung cấp	40
5. Trung học dạy nghề	65
6. Lao động phổ thông	82
Tổng cộng:	**300**

- Công ty đã áp dụng Quy chế Phân phối tiền lương, thù lao; Quy chế Phân phối tiền thưởng để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định, mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.
- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến,... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.
- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ về trang bị thêm các thiết bị đo kiểm; thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ cho việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cụ thể như sau:

+ Các thiết bị đo kiểm, phân tích cho sản phẩm cây đầu lọc;

+ Các thiết bị đo kiểm, phân tích cho sản phẩm in.

- Triển khai thực hiện số hóa quá trình sản xuất; bảo dưỡng máy móc thiết bị; quản lý kho; kết nối dữ liệu với ERP nhằm tối ưu hóa quy trình quản lý và điều hành sản xuất.
- Thực hiện chủ trương dự án đầu tư 1 máy sản xuất cây đầu lọc mới 100% tích hợp module capsule và kiểm tra chất lượng tự động từ quý 4/2025,

dự kiến đưa vào sử dụng vào cuối năm 2026 để đáp ứng năng lực sản xuất và sự phát triển của Công ty.

- Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng kế hoạch và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước và đem lại hiệu quả cho Công ty.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh:

- Công ty liên doanh:

+ Tên Công ty: Công ty TNHH Bao bì C&A

+ Địa chỉ: 38A, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

+ Giấy CN ĐKDN: 3703185529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 18/01/2024.

+ Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 50% vốn điều lệ).

+ Ngành nghề Kinh doanh: Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
+ Tổng giá trị tài sản	1.955.275.823.603	1.922.712.312.660	-1,67
+ Doanh thu thuần	3.691.723.816.321	4.136.201.683.426	12,04
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	189.488.093.767	227.585.495.088	20,11
+ Lợi nhuận khác	803.904.111	382.508.235	-52,42
+ Lợi nhuận trước thuế	190.291.997.878	227.968.003.323	19,80
+ Lợi nhuận sau thuế	150.229.088.842	182.048.908.964	21,18
+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	69,78%	57,58%	-17,48

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện năm 2024 là 40%/vốn điều lệ (40% cổ tức năm 2023), Cổ tức thực hiện năm 2025 là 40%/vốn điều lệ (40% cổ tức năm 2024).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	1,80	1,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	0,44	0,52	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,47	49,91	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	114,91	99,65	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay Hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,64	2,73	
+ Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,09	2,13	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,07	4,40	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,51	18,90	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,68	9,47	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,13	5,50	

- Khả năng thanh toán ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty năm 2025 đạt 1,93 lần và lớn hơn 1 cho thấy Công ty vẫn đáp ứng tốt khả năng thanh toán ngắn hạn.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2025 đạt 5,50%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần tại 31/12/2025:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 26.207.583 cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu phổ thông: 26.207.583 cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu ưu đãi, khác: - cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 26.207.583 cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: - cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 06/02/2026:

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	**Trong nước**	**698**	**25.714.647**	**98,12**
1	Cổ đông lớn (> 5%)	3	16.357.420	62,41
2	Công đoàn	1	7.177	0,03
3	Cổ đông khác	694	9.350.050	35,68
	Người nội bộ Công ty	6	250.925	0,96
	Cá nhân	682	8.021.399	30,61
	Tổ chức trong nước	6	1.077.726	4,11
II.	**Nước ngoài**	**78**	**492.936**	**1,88**
1	Cá nhân	61	152.391	0,58
2	Tổ chức	17	340.545	1,30
	Tổng cộng	**776**	**26.207.583**	**100,00**

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	Số 30, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam.	13.366.080	51,00
2	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. HCM, Việt Nam.	1.672.540	6,38
3	Bà Trần Thị Thanh Thúy	Phường Hòa Hưng, TP. HCM.	1.318.800	5,03
	Tổng cộng		**16.357.420**	**62,41**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động đến môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát thải các khí nhà kính (hơi nước, CO_2, CH_4, N_2O, O_3, các khí CFC…).
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không sử dụng các thiết bị phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm.

- Trong năm 2025 Công ty sử dụng 37.036 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: Giấy các loại 22.922 tấn; sợi tow các loại 9.221 tấn; mực các loại 2.884 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 2.009 tấn.
- Các nguyên vật liệu được Công ty sử dụng đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện và sử dụng dầu diesel cho một số xe nâng hàng với điện năng tiêu thụ năm 2025 là 12.151.181 KWh và dầu diesel 22.800 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Trong năm 2025 Công ty tiết kiệm được 414.671 KWh điện năng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2025	
Nội dung giải pháp	*Kết quả tiết kiệm (KWh/năm)*
Thay thế các cụm chỉnh biên giấy, lắp đặt thêm cụm chỉnh biên giấy cho các máy in ATN để nâng tốc độ chạy máy khi lấy thành phẩm.	414.671
Tổng cộng	**414.671**

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.
- Lượng nước trong năm 2025 Công ty đã sử dụng là 28.066 m^3.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 300 người, với thu nhập bình quân trong năm 2025 đạt 36,7 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Với quan điểm nhân lực là một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của Công ty, vì vậy Công ty liên tục thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường làm việc nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Lương, thưởng, trợ cấp ốm đau, thai sản, hiếu, hỉ. Thực hiện các loại bảo hiểm theo luật định; mua bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe định kỳ; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.
- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty như Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên người lao động; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao, văn nghệ…

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2025, Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 424 giờ /năm, trung bình thời gian đào tạo các kỹ năng bên ngoài dành cho một người là 10,1 giờ. Đối tượng đào tạo gồm cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và công nhân trực tiếp sản xuất.
- Trong năm 2025, Công ty tập trung đào tạo nội bộ theo Bộ Chương trình đào tạo đã xây dựng cho các vị trí công việc. Công ty đã tổ chức 11/11 chương trình đào tạo nội bộ, với 17/17 nhân viên tham gia, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch. Các chương trình đào tạo chủ yếu do các cán bộ có kinh nghiệm của Công ty trực tiếp hướng dẫn, góp phần chia sẻ kiến thức thực tiễn, nâng cao năng lực xử lý công việc và hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận.
- Công ty luôn chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo đủ số lượng và trình độ chuyên môn cho các bộ phận sản xuất, kinh doanh và quản lý.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho người lao động được triển khai thường xuyên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty tiếp tục duy trì tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, chuyên môn phù hợp với tình hình, điều kiện hoạt động của Công ty để hỗ trợ người lao động đảm bảo làm việc hiệu quả và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.
- Trong năm 2025, Công ty đã tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội thông qua nhiều hoạt động như: Ủng hộ tặng quà Tết cho hộ nghèo; hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ khó khăn; hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; đồng hành cùng các chương trình vì an sinh xã hội; tài trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị nội thất cho trường học; ủng hộ chương trình phẫu thuật mắt đục thủy tinh thể cho người nghèo năm 2025; hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình thắp sáng đường giao thông; hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với CBCNV các nhà máy sau hỏa hoạn, thiên tai; mua báo tặng các chiến sĩ biên giới, hải đảo;... với tổng kinh phí thực hiện trên 3 tỷ đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh (%)	
				TH2025/ TH2024	TH2025/ KH2025
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, DTTC, TN khác)	3.705.573	3.760.000	4.144.175	111,84	110,22
2. Lợi nhuận trước thuế	190.292	206.000	227.968	119,80	110,66
3. Lợi nhuận sau thuế	150.229	164.800	182.049	121,18	110,47
4. Sản lượng tiêu thụ:					
+ Cây đầu lọc (Tr.Cây)	22.178	22.776	22.749	102,57	99,88
+ Giấy sáp các loại (Tấn)	2.826	3.004	2.956	104,60	98,40
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	2.869	2.917	3.409	118,82	116,87

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 đạt kết quả tốt so với kế hoạch, các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch đề ra, và có sự tăng trưởng so với năm 2024, cụ thể:

+ Tổng doanh thu đạt 110,22% kế hoạch; tăng 11,84% so với thực hiện năm 2024.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 110,66% kế hoạch; tăng 19,8% so với thực hiện năm 2024.

- Trong năm 2025, tình hình kinh tế - chính trị thế giới có những diễn biến phức tạp và đa chiều. Kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng, nhưng ở mức độ chậm; lạm phát tiếp tục được kiểm soát, có xu hướng giảm... Tuy nhiên, về mặt chính trị, xung đột và bất ổn ở nhiều khu vực như Châu Âu (Nga – Ukraine), Châu Á (Trung Đông), cùng một số quốc gia thuộc Châu Phi gây áp lực lên chuỗi cung ứng, nguồn năng lượng và an ninh lương thực; đồng thời, các chính sách biên giới, thuế quan, kiểm soát thương mại đều trở nên nghiêm ngặt hơn.

- Kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, tình hình xuất khẩu của các đơn vị thuốc lá điếu có sự tăng trưởng tốt, từ đó tác động trực tiếp tới tình hình tiêu thụ của Công ty đối với các mặt hàng phụ liệu. Nền kinh tế chuyển biến tích cực (GDP tăng ~ 8,02%), tiêu dùng trong nước tăng, lạm phát tiêu dùng (CPI) năm 2025 tăng 3,31% đã giúp cho thu nhập của người lao động được cải thiện dẫn đến sức mua tăng.

- Trước những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, ngành thuốc lá nói chung và nội tại Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng nêu trên. Bên cạnh đó, các đơn vị sản xuất thuốc lá điếu đã thực hiện nhiều biện pháp quản lý, tiết giảm chi phí sản xuất, tập trung đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác phát triển thị trường để giữ vững và mở rộng thị phần. Tiêu thụ thuốc lá điếu của các đơn vị sản xuất thuốc lá điếu đạt 139,8 tỷ điếu tăng 2,8%; sản lượng nội tiêu đạt gần 92 tỷ điếu tăng 0,5%; sản lượng xuất khẩu đạt 47,8 tỷ điếu tăng 8,7% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng tiêu thụ của các đơn vị trong Tổng công ty Vinataba đạt 99,8 tỷ điếu tăng 6,1%; sản lượng nội tiêu đạt 62,3 tỷ điếu tăng 4,4% và xuất khẩu đạt 37,5 tỷ điếu tăng 9% so với cùng kỳ.

- Cả thị trường nội tiêu và thị trường xuất khẩu của các đơn vị thuốc lá điếu tăng trưởng giúp đẩy mạnh sản lượng của Công ty trong năm 2025 tăng cao hơn dự kiến kế hoạch, đây chính là lý do lớn nhất dẫn tới Tổng doanh thu trong năm tăng gần 12% so với cùng kỳ năm trước.

- Trước bối cảnh và tình hình chung của ngành thuốc lá, Công ty cũng có những thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ **Thuận Lợi:**

- Các hoạt động phòng chống thuốc lá lậu tiếp tục được Nhà nước đẩy mạnh, chính sách cấm thuốc lá điện tử đã có hiệu lực, tạo tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, một nhóm bộ phận người dùng quay trở lại sử dụng thuốc lá điếu truyền thống, góp phần ổn định sản lượng tiêu thụ, đồng thời giảm áp lực cạnh tranh gián tiếp cho các nhóm mặt hàng chính của Công ty.
- Bên cạnh đó, với lợi thế về trang thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, nhiều năm kinh nghiệm, Công ty đã và đang không ngừng phát triển các sản phẩm đầu lọc với công nghệ mới như cây đầu lọc capsule, sản phẩm in với mẫu mã đa dạng, giảm thiểu các hóa chất độc hại và giá thành cạnh tranh, không chỉ để đáp ứng yêu cầu khắt khe từ các khách hàng hiện tại, mà còn hướng đến mục tiêu chiến lược mở rộng thị trường tiêu thụ với các khách hàng mới trong và ngoài nước.
- Công ty liên doanh C&A và Chi nhánh Miền Bắc hiện đã đi vào hoạt động ổn định, góp phần mở rộng thị trường kinh doanh, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp phụ liệu cho khách hàng. Qua đó, giảm thiểu rủi ro thiếu hụt hàng hóa, đặc biệt trong bối cảnh nguồn cung bị ảnh hưởng bởi các biến động thời tiết toàn cầu trong thời gian qua.
- Công ty đã và đang tiếp tục triển khai phần mềm số hóa sản xuất nhằm giảm sai sót, tối ưu hóa hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích hợp phần mềm bảo trì bảo dưỡng thiết bị nhằm theo dõi và quản lý tình trạng hoạt động của máy móc sản xuất giảm thiểu thời gian dừng máy và tăng cường tuổi thọ của thiết bị. Hiện nay, Công ty đang triển khai phần mềm số hóa kho nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho, xuất xứ nguồn gốc hàng hóa.

❖ **Khó khăn:**

- Các lệnh trừng phạt kinh tế, việc đóng cửa cảng biển tại một số khu vực xung đột và biến động tỷ giá hối đoái đã làm gia tăng chi phí logistics và phát sinh nhiều rủi ro trong vận chuyển hàng hóa. Những khó khăn này trực tiếp làm giảm hiệu quả vận hành và kéo dài thời gian giao hàng vật tư, phụ tùng, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và kế hoạch cung ứng của Công ty. Trước tình hình đó, Công ty buộc phải chủ động điều chỉnh kế hoạch đặt hàng, tăng mức dự trữ phù hợp nhằm hạn chế nguy cơ gián đoạn hoạt động sản xuất.
- Tỷ giá USD và EUR có xu hướng tăng dần (đặc biệt tỷ giá USD/VNĐ tăng trên 3,4% so với cùng kỳ năm trước), ảnh hưởng không nhỏ

tới chi phí đầu vào của Công ty khi hầu hết nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài.

- Lãi suất cho vay của ngân hàng từ quý 3/2025 có xu hướng tăng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và dự trữ nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là những tháng cuối năm.

2. *Tình hình tài chính*

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**1.824.744**	**1.841.282**	**(16.538)**	**(0,90)**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	44.793	32.039	12.754	39,81
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	391.739	345.816	45.923	13,28
IV. Hàng tồn kho	1.336.957	1.391.722	(54.765)	(3,94)
V. Tài sản ngắn hạn khác	51.255	71.705	(20.450)	(28,52)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**97.968**	**113.994**	**(16.026)**	**(14,06)**
I. Các khoản phải thu dài hạn	7	-	7	-
II. Tài sản cố định	88.693	110.499	(21.806)	(19,73)
III. Tài sản dở dang dài hạn	3.136	105	3.031	2.886,67
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.000	3.229	2.771	85,82
V. Tài sản dài hạn khác	132	161	(29)	(18,01)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.922.712**	**1.955.276**	**(32.564)**	**(1,67)**

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 1.922,71 tỷ đồng giảm so với đầu năm 2025 là 1,67% tương ứng 32,56 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 1.824,74 tỷ đồng giảm 0,90% tương ứng 16,54 tỷ đồng chủ yếu do:

+ Hàng tồn kho giảm 3,94% tương ứng 54,77 tỷ đồng do việc cân đối dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất;

+ Tài sản ngắn hạn khác giảm 28,52% tương ứng 20,45 tỷ đồng chủ yếu do việc giảm thuế GTGT được khấu trừ và giảm các khoản chi phí chờ phân bổ;

+ Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 13,28% tương ứng 45,92 tỷ đồng

chủ yếu do phải thu khách hàng tăng 14,52% tương ứng 49,16 tỷ đồng do các khoản công nợ này chưa đến hạn thanh toán và một số khách hàng đang khó khăn về tài chính dẫn đến một số khoản công nợ chưa thu hồi đúng hạn và trả trước cho người bán giảm 49,99% tương ứng 2,34 tỷ đồng;

+ Tiền và tương đương tiền tăng 39,81% tương ứng 12,75 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn đạt 97,97 tỷ đồng giảm 14,06% tương ứng 16,03 tỷ đồng chủ yếu do khấu hao và đầu tư tài sản cố định mới cùng với việc hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	**959.670**	**1.045.472**	**(85.802)**	**(8,21)**
I. Nợ ngắn hạn	943.655	1.024.695	(81.040)	(7,91)
II. Nợ dài hạn	16.015	20.777	(4.762)	(22,92)
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**963.042**	**909.804**	**53.238**	**5,85**
I. Vốn chủ sở hữu	963.042	909.804	53.238	5,85
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**1.922.712**	**1.955.276**	**(32.564)**	**(1,67)**

Cơ cấu nguồn vốn Công ty tại 31/12/2025 như sau:

- Nợ phải trả đạt 959,67 tỷ đồng giảm 8,21% tương ứng 85,80 tỷ đồng chủ yếu do:

+ Nợ phải trả ngắn hạn giảm 7,91% tương ứng 81,04 tỷ đồng chủ yếu do: Phải trả người bán giảm 16,09% tương ứng 52,06 tỷ đồng; nợ vay ngân hàng giảm 7,31% tương ứng 47,18 tỷ đồng. Mặt khác chi phí phải trả ngắn hạn tăng 7,30 tỷ đồng; thuế phải nộp tăng 44,68% tương ứng 6,34 tỷ đồng; các khoản phải trả, phải nộp khác tăng 10,97% tương ứng 4,56 tỷ đồng chủ yếu do tăng Quỹ khen thưởng - phúc lợi từ việc phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, tăng phải trả ngắn hạn khác và giảm khoản phải trả người lao động;

+ Nợ phải trả dài hạn giảm 22,92% tương ứng 4,76 tỷ đồng so với đầu năm 2025 chủ yếu do việc sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ và giảm phải trả dài hạn khác.

- Vốn chủ sở hữu đạt 963,04 tỷ đồng tăng 5,85% tương ứng 53,24 tỷ đồng từ việc tăng lợi nhuận trong năm 2025 và việc phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.
- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.
- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.
- Thực hiện quá trình chuyển đổi số, triển khai đồng bộ số hóa từng bộ phận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo môi trường sản xuất kinh doanh năm 2026:

❖ **Khó khăn:**

- Tình hình kinh tế – chính trị trên thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Xung đột ở Ukraine, Trung Đông và một số khu vực trên thế giới có thể tiếp tục gây ra căng thẳng và bất ổn chính trị. Quan hệ giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc và Nga đang có nhiều biến động. Các nền kinh tế phát triển như Mỹ và Châu Âu, Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, trong khi các nền kinh tế đang phát triển gặp khó khăn do thiếu hụt nguồn lực và biến đổi khí hậu; khủng hoảng năng lượng ở Châu Âu; lạm phát toàn cầu vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp.... là những yếu tố có thể tác động đến chi phí vận chuyển, thời gian đáp ứng nhu cầu nguồn cung cấp sẽ bị ảnh hưởng.
- Biến động về nguồn cung dầu mỏ trong các sản phẩm liên quan đến công nghệ hóa dầu sẽ là một yếu tố có khả năng tác động mạnh đến nền kinh tế toàn cầu trong năm 2026.
- Dự kiến tỷ giá USD và EUR tiếp tục xu hướng tăng dần sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty do phần lớn nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là nhập khẩu.
- Lãi suất cho vay của ngân hàng dự báo sẽ tăng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và làm tăng chi phí tài chính của Công ty.
- Thị trường xuất khẩu sẽ gặp khó khăn hơn khi giá nguyên vật liệu đầu vào giảm, không còn khan hiếm như trước dẫn đến giá bán trên thị trường trở nên cạnh tranh hơn. Bên cạnh đó, tỷ giá tăng làm giảm sức cạnh tranh của Công ty. Công ty sẽ phải có chính sách linh hoạt để phát triển xuất khẩu, tuy nhiên do là mặt hàng phụ liệu nên khả năng cạnh tranh ở các khu vực xa như Châu Phi hay Trung Đông gặp nhiều hạn chế.

❖ **Thuận lợi:**

- Quá trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng

và phát triển kinh tế, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, thúc đẩy kích cầu hoạt động giao thương giữa Việt Nam với kinh tế thế giới. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu phát triển qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng tiêu thụ toàn ngành thuốc lá nói chung và Công ty nói riêng.

- Dự báo các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất không còn khan hiếm và giá cả ổn định. Đặc biệt, đến nay nguồn cung nguyên liệu Tow được dự báo sẽ giảm trong năm 2026, điều này giúp Công ty có thể điều chỉnh giảm giá bán cây đầu lọc trong năm 2026, từ đó giảm bớt gánh nặng chi phí đầu vào và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các đơn vị sản xuất thuốc lá điếu trong giai đoạn khó khăn sắp tới.
- Chính sách cấm thuốc lá điện tử, phòng chống thuốc lá lậu liên tục được đẩy mạnh giúp thị trường nội tiêu của ngành ổn định.
- Với lợi thế về trang thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao Công ty đã không ngừng phát triển những dòng sản phẩm mới có chất lượng như cây đầu lọc capsule, than hoạt tính và những sản phẩm in đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

Dựa trên những kết quả đạt được trong năm 2025, việc đánh giá phân tích những thuận lợi, khó khăn khả năng sẽ xảy ra năm 2026, cũng như căn cứ nhu cầu thị trường hiện tại và xu hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty dự kiến kế hoạch trong năm 2026 cần phấn đấu hoàn thành các mục tiêu như sau:

STT	*Chỉ tiêu*	*ĐVT*	*Kế hoạch 2026*
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	**3.870.000**
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	**230.000**
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	**184.000**
4	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	**130.000**
5	Sản lượng tiêu thụ:		
	- Cây đầu lọc *(quy đổi)*	Triệu cây	**23.000**
	- Giấy sáp các loại	Tấn	**3.051**
	- Nhãn in *(quy đổi)*	Triệu tờ	**3.460**

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 được xây dựng trên cơ sở dự báo tăng – giảm chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng khách hàng cụ thể, đồng thời có tính đến sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu, tỷ giá, lãi suất tiền vay...,

sự điều chỉnh giá bán phù hợp với biến động của chi phí đầu vào và sự cạnh tranh của thị trường.

- Về sản lượng tiêu thu: Cây đầu lọc tăng 1,1%; giấy sáp tăng 3,2%; nhãn in tăng 1,5% so với cùng kỳ. Dự báo tình hình tiêu thụ các sản phẩm chính của Công ty năm 2026 sẽ giữ mức ổn định và tăng trưởng nhẹ, chủ yếu ở các sản phẩm nội tiêu và các sản phẩm mới.
- Về doanh thu: Sản lượng tiêu thụ tăng nhẹ nhưng doanh thu giảm 6,6% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do khả năng giá nguyên liệu đầu vào của Acetate Tow giảm so với hiện tại và Công ty sẽ điều chỉnh giá bán cho khách hàng trong năm 2026.
- Về lợi nhuận: Tăng nhẹ do việc triển khai những biện pháp quản lý chi phí hiệu quả, cân đối hợp lý giữa giá bán và sản lượng đầu ra trên cơ sở đảm bảo hài hòa hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích khách hàng.

Phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2026:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

❖ ***Giải pháp về tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh***

- Tổ chức công tác quản lý điều hành sản xuất khoa học, bám sát thực tế, nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất nhằm đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nhất.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất: Chuẩn hóa các bước trong quy trình để giảm lãng phí thời gian và tài nguyên, xem xét bố trí lại mặt bằng sản xuất cho phù hợp với các công đoạn để giảm quãng đường và thời gian di chuyển của nguyên vật liệu cung cấp đến máy.
- Ứng dụng số hoá, công nghệ AI để tự động hóa quản lý sản xuất: Triển khai cải tiến hệ thống ERP kết hợp với các phần mềm quản lý sản xuất để theo dõi tiến độ theo thời gian thực nhằm có được thông tin nhanh chóng, giúp tự động hoá công tác điều độ kế hoạch và điều phối nhân sự, điều hành sản xuất đạt hiệu quả cao, giảm tồn kho và tối ưu máy sản xuất liên tục. Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại đưa vào sản xuất để tăng năng suất, hiệu quả chất lượng và nâng cao giá trị sản phẩm, giảm các hao phí trong sản xuất. Đầu tư hệ thống kiểm soát tự động chất lượng in–line cho sản phẩm in và thiết bị đo kiểm các thông số kỹ thuật của đầu lọc được tích hợp trên máy, tự động hoá kiểm soát chất lượng trên dây chuyền đồng bộ với phòng lab đo kiểm sản phẩm.
- Hướng đến mục tiêu kinh tế tuần hoàn – phát triển bền vững: Chuyển đổi dần sang sản xuất xanh, giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng. Sử

dụng mực in thân thiện môi trường, tăng khả năng thu hồi dung môi, xem xét giải pháp tái sử dụng dung môi và xử lý khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

❖ ***Giải pháp về tiêu thụ, thị trường và xuất nhập khẩu***

- Tiếp tục tập trung vào việc duy trì và phát triển ở phân khúc thị trường nội tiêu. Đồng thời Công ty vẫn đang nỗ lực đẩy mạnh ở phân khúc thị trường xuất khẩu, tuy nhiên vẫn rất khó dự đoán ở phân khúc này.
- Tiếp tục ổn định và duy trì sản lượng đầu ra cung cấp cho các đơn vị thuốc lá điếu trong Tổng công ty. Đồng thời Công ty luôn nỗ lực tăng cường mở rộng thị trường hướng đến các đơn vị thuốc lá điếu bên ngoài Tổng công ty và các đơn vị liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như BAT, JTI, Philip Morris, ... với phương châm luôn tạo niềm tin với tất cả các khách hàng dù lớn hay nhỏ, sự phát triển của khách hàng cũng là sự phát triển của CLC.
- Cung ứng vật tư: Đàm phán ký kết hợp đồng mua bán nguyên vật liệu dài hạn với số lượng, chất lượng phù hợp và giá cả hợp lý nhất nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó cân đối và dự trữ vật tư tồn kho hợp lý đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất, đồng thời vẫn có một lượng dự trữ nhất định dự phòng biến động trong năm.

❖ ***Giải pháp về công tác Khoa học và Công nghệ***

- Theo dõi tiến độ công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất phục vụ thị trường về các dòng sản phẩm mới trong thời gian tới.
- Nghiên cứu nâng cấp và hợp lý hoá các máy móc thiết bị sẵn có theo các công nghệ mới để khai thác máy móc thiết bị hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày càng đa dạng về sản phẩm.

❖ ***Giải pháp về công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới***

- Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào mảng phát triển công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH&CN để sản xuất ra các sản phẩm mới theo yêu cầu của khách hàng như: Nghiên cứu việc sử dụng các mực in hiệu ứng mới và các công nghệ mới trong in ấn để nâng cao chất lượng sản phẩm in; nghiên cứu sử dụng các dung môi trong sản xuất in theo hướng đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường; nghiên cứu sử dụng các nguyên liệu mới cho máy sản xuất cây đầu lọc theo hướng thân thiện với môi trường và áp dụng cho các sản phẩm thuốc lá giảm Tar-Nicotin và cây đầu lọc có tẩm hương.

- Đồng thời để nâng cao hơn nữa năng lực hiện tại, Công ty sẽ tham gia các hội nghị triển lãm liên quan đến ngành thuốc lá để nghiên cứu học hỏi và ứng dụng các thành tựu KH&CN mới vào sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

❖ ***Giải pháp Tài chính - Kế toán và Kiểm tra, Kiểm soát***

- Đa dạng nguồn huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất cạnh tranh nhằm đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện chi phí tài chính của Công ty. Tiếp tục phát huy cao hơn nữa trong công tác thu hồi công nợ đạt hiệu quả thu nợ, tránh nợ tồn đọng, nợ khó đòi. Tiếp tục đàm phán với khách hàng, nhà cung cấp nhằm đạt được các ưu đãi về điều kiện và thời hạn thanh toán. Thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát các chi phí thực hiện so với kế hoạch và đưa ra biện pháp khắc phục. Phối hợp mật thiết với các phòng ban trong công tác hậu kiểm, kịp thời phát hiện và cảnh báo các biến động của các chi phí.

❖ ***Giải pháp tổ chức lao động tiền lương***

- Chính sách tiền lương phù hợp, minh bạch và cạnh tranh giúp Công ty phát triển bền vững, thích ứng với thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Rà soát, cập nhật hệ thống thang bảng lương theo thị trường: Hàng năm, Công ty tổ chức rà soát mức lương bình quân của từng vị trí công việc so với mặt bằng thị trường lao động và trong ngành. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch xem xét điều chỉnh dải lương, khung lương chức danh nhằm bảo đảm tính cạnh tranh, thu hút và giữ chân người lao động có trình độ, chuyên môn và tay nghề cao. Việc điều chỉnh được thực hiện theo lộ trình, bám sát mục tiêu chiến lược và khả năng tài chính của Công ty.

- Hiện đại hóa công tác quản trị lao động – tiền lương. Ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự, hệ thống chấm công – tính lương tự động, chuẩn hóa quy trình quản lý hồ sơ lao động, giảm sai sót và rút ngắn thời gian xử lý. Điều này giúp công tác lao động – tiền lương minh bạch, chính xác và hiệu quả hơn, đồng thời hỗ trợ lãnh đạo Công ty trong quá trình ra quyết định.

❖ ***Giải pháp công nghệ thông tin và chuyển đổi số***

- Tiếp tục triển khai chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị điều hành, Công ty tiếp tục triển khai phần mềm số hóa kho và tích hợp kết nối dữ liệu các phần mềm với hệ thống ERP nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và hoạt động quản lý.

- Tự động hóa – số hóa toàn bộ chuỗi sản xuất và vận hành từ nguyên vật liệu đầu vào đến thành phẩm xuất kho giao đến khách hàng; kết

nối dữ liệu xuyên suốt giữa Kế hoạch – Kỹ thuật – Điều độ – Sản xuất – Kho – Thị trường – Kế toán.

- Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu để tối ưu hóa kế hoạch, kết nối máy móc thiết bị để giám sát, thu thập dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dây chuyền tự động, giảm sai lỗi sản phẩm và nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, sử dụng ứng dụng AI trong việc nhận diện đám cháy và hành vi tuân thủ bảo hộ lao động.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình tiêu thụ nước cao hơn năm trước (28.066 m^3 năm 2025/ 21.418 m^3 năm 2024). Năm 2025 Công ty sản xuất bình thường, quy mô Công ty không có sự thay đổi lớn.

- Tình hình sử dụng năng lượng ổn định, gồm 2 loại: Điện năng và dầu diesel. Công ty luôn giám sát và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm tiêu thụ điện năng, tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Các nguồn thải không đổi, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Người lao động được xác định là yếu tố trung tâm và là nguồn lực quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của Công ty. Ban Giám đốc luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách về lao động, tiền lương, phúc lợi và điều kiện làm việc theo quy định của pháp luật.

- Công ty thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, đơn vị. Thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và từng bước cải thiện qua các năm.

- Việc đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện thông qua hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPI) cho từng vị trí công việc. Hệ thống KPI được xây dựng rõ ràng, minh bạch, gắn với mục tiêu sản

xuất kinh doanh của Công ty, qua đó tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

- Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động như: Khám sức khỏe định kỳ, các hoạt động văn hóa – thể thao, chế độ phúc lợi, thăm hỏi, hỗ trợ người lao động khi gặp khó khăn. Qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, đoàn kết và gắn bó lâu dài giữa người lao động với Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty luôn nhận thức rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương nơi đơn vị hoạt động. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Công ty luôn chú trọng thực hiện các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường sống và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng.

- Đối với cộng đồng địa phương, Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong việc quản lý và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất.

- Công ty cũng chú trọng hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường sống xung quanh như tiếng ồn, bụi và nguồn nước thải. Các biện pháp kỹ thuật và quản lý được áp dụng nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất không ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của người dân trên địa bàn.

- Ngoài ra, Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương như hỗ trợ các chương trình xã hội, hoạt động từ thiện, góp phần xây dựng mối quan hệ gắn bó, hài hòa giữa doanh nghiệp và cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2025, được đánh giá, đề cập tại mục II của báo cáo, cụ thể:

- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Về tổ chức nhân sự: Nhân sự Ban điều hành có sự thay đổi được đề cập tại mục II.2, mục V.1.a, mục V.2.a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty ổn định, không có nhiều biến động.

- Về tình hình đầu tư: Luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trong trung và dài hạn. Các dự án đầu

tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước.

- Về tình hình tài chính: Tài chính của Công ty minh bạch và lành mạnh.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.
- Cơ cấu cổ đông: Ít biến động, không có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn.
- Cung cấp thông tin cho cổ đông: Luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường, thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý. Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội hỗ trợ cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Mặc dù tình hình quốc tế gặp nhiều bất ổn về xung đột địa chính trị cùng với ảnh hưởng chính sách thuế quan của Mỹ đối với thương mại toàn cầu, xong Công ty vẫn đạt được những kết quả khả quan, với những kết quả Công ty đã đạt được, qua giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2025, như sau:

- Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho;
- Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất;

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc, đảm bảo ổn định thu nhập của người lao động. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty;
- Triển khai áp dụng số hóa số liệu sản xuất hiệu quả tại Phân xưởng và quản lý kho của Công ty; ứng dụng hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;
- Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị; thực hiện đúng, kịp thời Quy chế công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp;
- Đặc biệt Hội đồng quản trị đánh giá cao sự quyết tâm và hoàn thành việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ và các chương trình số hóa sản xuất, kho góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao năng suất lao động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị tiếp tục tuân thủ các mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty được đề cập tại Mục I.4 của báo cáo để thực hiện.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Ban Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra đồng thời Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát Công ty trong các việc sau:

+ Triển khai hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

+ Tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách;

+ Nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới để tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường sản phẩm;

+ Nghiên cứu mở rộng lĩnh vực hợp tác kinh doanh, thành lập Chi nhánh sản xuất tại các vùng miền khác nhau...

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	23/10/1978
+ Nơi sinh:	Đông Anh, Hà Nội
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Quan hệ Quốc tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (từ ngày 16/06/2025).
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Trưởng Ban Đối ngoại – Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH Vinataba – Phillip Morris.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
2. Ông Châu Tuấn	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	13/01/1964
+ Nơi sinh:	Thái Nguyên
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Đại học.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (đến ngày 16/06/2025).
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (đến ngày 30/04/2025); Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hòa Việt (đến ngày 25/06/2025).
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Hoàng Minh	Như trên (Thông tin như phần II.2.a)

4. Ông Nguyễn Đức Hanh	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	01/01/1974
+ Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Chế tạo máy, Cử nhân Quản lý Công nghiệp.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	22.830 CP, chiếm 0,09% vốn điều lệ.
5. Bà Lê Diễm Anh	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	28/06/1979
+ Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Hóa Thực phẩm.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư - Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
6. Ông Đỗ Ngọc Quang	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	18/08/1973
+ Nơi sinh:	Phú Thọ
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Quản lý Xã hội.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long; Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 16/06/2025 đã bầu Bà Ngô Thị Ngọc Duyên thay thế Ông Châu Tuấn, bầu lại Ông Nguyễn Hoàng Minh và Bà Lê Diễm Anh vào Hội đồng quản trị Công ty.

- **Cổ phiếu đại diện sở hữu:**

+ Bà Ngô Thị Ngọc Duyên đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 8.124.480 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hoàng Minh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Đức Hanh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Bà Lê Diễm Anh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn số lượng 1.672.540 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- **Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị:**

+ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm các thành viên: Ông Châu Tuấn (đến ngày 16/06/2025), Bà Ngô Thị Ngọc Duyên (từ ngày 16/06/2025), Ông Nguyễn Đức Hanh, Bà Lê Diễm Anh và Ông Đỗ Ngọc Quang.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 01 thành viên: Ông Nguyễn Hoàng Minh.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Đỗ Ngọc Quang.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tiến hành 23 cuộc họp (bao gồm xin ý kiến bằng văn bản) và ban hành 30 Nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	02A/NQ-CPCL	02/01/2025	Phê duyệt sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty.
2	02B/NQ-CPCL	02/01/2025	Phê duyệt sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty.

3	03A/NQ-CPCL	02/01/2025	Phê duyệt sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty.
4	03B/NQ-CPCL	02/01/2025	Phê duyệt sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty.
5	17/NQ-CPCL	07/01/2025	Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024.
6	62/NQ-CPCL	24/01/2025	Thông qua quyết toán chi phí thị trường năm 2024; Thông qua quyết toán chi phí thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới năm 2024; Thông qua quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2024; Thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025; Thông qua quyết toán 02 khoản mục chi phí quản lý năm 2024.
7	94A/NQ-CPCL	19/02/2025	Giao người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cát Lợi tại Công ty TNHH Bao Bì C&A biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bao Bì C&A về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Bao Bì C&A.
8	96/NQ-CPCL	20/02/2025	Thông qua việc giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị cho Bà Huỳnh Thị Bích Dung - Phó phòng Tổ chức - Hành chính thay cho Ông Dương Hiển Vĩnh.
9	132/NQ-CPCL	17/03/2025	Thống nhất thông qua gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Thống nhất thông qua địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
10	133/NQ-CPCL	17/03	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.

		/2025	
11	144B/NQ-CPCL	21/03/2025	Thông qua Báo cáo của người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cát Lợi tại Công ty TNHH Bao Bì C&A.
12	160/NQ-CPCL	01/04/2025	Thống nhất thông qua Báo cáo thường niên Công ty cổ phần Cát Lợi năm 2024.
13	178/NQ-CPCL	16/04/2025	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024; Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2025; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2025; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 1 năm 2025 và kế hoạch hoạt động quý 2 năm 2025 của Ban Kiểm soát nội bộ.
14	179/NQ-CPCL	16/04/2025	Thống nhất thông qua Phương án thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc và thông qua việc Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc.
15	180/NQ-CPCL	16/04/2025	Thống nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
16	202B/NQ-CPCL	28/04/2025	Điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Công ty cổ phần Cát Lợi.
17	204/NQ-CPCL	29/04/2025	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của công trình "Cải tạo hệ thống điều hòa nhiệt độ khu vực Phân xưởng Cây đầu lọc".
18	230/NQ-CPCL	19/05/2025	Hội đồng quản trị đã nhất trí thông qua dự thảo các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, quyết định thông qua.
19	231/NQ-CPCL	19/05/2025	Thông qua quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình "Cải tạo hệ thống điều hòa nhiệt độ khu vực Phân xưởng Cây đầu lọc";

			Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại nhân sự của Công ty.
20	277/NQ-CPCL	12/06 /2025	Hội đồng quản trị nhất trí chấp thuận đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về nhân sự Hội đồng quản trị.
21	284/NQ-CPCL	16/06 /2025	Thông qua việc bầu Bà Ngô Thị Ngọc Duyên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty; Thông qua phân công công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị; Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông, thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2024.
22	321/NQ-CPCL	30/06 /2025	Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Bà Ngô Thị Ngọc Duyên là Công ty TNHH Vinataba – Philip Morris. Giá trị mỗi hợp đồng, giao dịch được ký kết nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: Trong năm 2025; Thông qua bổ nhiệm lại có thời hạn đối với ông Nguyễn Hoàng Minh giữ chức vụ Giám đốc điều hành – Người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 01/07/2025.
23	392/NQ-CPCL	30/07 /2025	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2025; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2025; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 2 năm 2025 và kế hoạch hoạt động quý 3 năm 2025 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.

24	447/NQ-CPCL	09/09 /2025	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.
25	461/NQ-CPCL	19/09 /2025	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.
26	508/NQ-CPCL	24/10 /2025	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2025; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2025; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 3 năm 2025, kế hoạch hoạt động quý 4 năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thống nhất thông qua việc sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Cát Lợi; Thống nhất thông qua việc đầu tư TSCĐ để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
27	509/NQ-CPCL	24/10 /2025	Thống nhất thông qua quyết toán chi phí nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành.
28	583/NQ-CPCL	16/12 /2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương, thù lao tại Công ty cổ phần Cát Lợi.
29	608/NQ-CPCL	18/12 /2025	Thông qua hệ số quy đổi sản phẩm chuẩn; Thông qua đơn giá tiền lương năm 2025.
30	647/NQ-CPCL	31/12 /2025	Điều chỉnh Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Công ty cổ phần Cát Lợi.

d. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Công ty có 01 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã chỉ đạo, giám sát và tư vấn cho Hội đồng quản trị để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và tham gia các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết các nội dung nghị quyết của Hội đồng quản trị một cách độc lập, khách quan.

e. Kết quả đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;...
- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư, các nhiệm vụ phát triển Khoa học và Công nghệ, chuyển đổi số đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ;
- Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: Công bố thông tin cho cổ đông kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc tuân thủ các quy định về chính sách pháp luật, bảo vệ môi trường; quan tâm đến đời sống, thu nhập, phúc lợi, môi trường làm việc của người lao động; khuyến khích, ủng hộ Công ty tài trợ kinh phí cho các hoạt động xã hội, cộng đồng.

f. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Không.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Trần Thị Ánh	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	05/10/1977
+ Nơi sinh:	Hà Nam
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng Ban Kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
2. Bà Đỗ Thu Hà	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	07/10/1975
+ Nơi sinh:	Hà Nội
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Ban Kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Ban Tài chính - Kế toán - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	20/08/1984
+ Nơi sinh:	Thành Phố Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Ban Kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Chuyên viên Ban Kiểm tra - Kiểm soát - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát 2025:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ…
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.
- Làm việc và lập báo cáo hàng quý, đồng thời có gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, báo cáo có phân tích so sánh và kiến nghị một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính của Công ty và các công tác khác.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty theo thư mời.
- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty.

Ban Kiểm soát họp trong năm và thực hiện kiểm tra giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, cụ thể như sau:

- Ngày 10/02/2025, Ban Kiểm soát lập Báo cáo hoạt động năm 2024 và Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.
- Ngày 21/03/2025, Ban Kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành báo cáo kiểm toán ngày 12/03/2025.
- Ngày 27/04/2025, kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính quý 1/2025, lập Báo cáo của Ban Kiểm soát & triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.
- Ngày 16/05/2025, lập Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Ngày 16/06/2025, Ban Kiểm soát họp kỳ 1/2025 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát quý 2/2025 tại Công ty.
- Ngày 18/07 và ngày 21/07/2025, Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế, tình hình công nợ, tiêu thụ sản phẩm, chi phí 6 tháng đầu năm 2025 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2025.

- Ngày 21/07/2025, Ban Kiểm soát họp kỳ 2/2025 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các khoản mục chi phí công nợ, các khoản đầu tư, vay vốn ngân hàng và các quy chế 6 tháng cuối năm 2025.
- Ngày 25/07/2025, Ban Kiểm soát lập Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng năm đầu năm 2025.
- Ngày 14/08/2025, Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã phát hành báo cáo kiểm toán ngày 08/08/2025.
- Ngày 29/10/2025, Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính quý 3/2025 của Công ty.
- Ngày 20/11 và ngày 21/11/2025, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy định tại Công ty và tình hình công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư, danh mục tài sản, các khoản vay vốn thế chấp ngân hàng và các khoản mục chi phí đến T10/2025.
- Ngày 21/11/2025, Ban Kiểm soát họp kỳ 3/2025 nội dung xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khoản đầu tư góp vốn và soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4/2025.
- Ngoài các cuộc họp trên, Trưởng Ban tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban về kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty… Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại, email tới các Thành viên trong Ban về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có Ban Kiểm soát tham dự. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Giám đốc.
- Thường xuyên phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động sản xuất kinh

doanh, lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội… để thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2025:

Đơn vị tính đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Lương, thù lao và các lợi ích khác**	**Thưởng BQL điều hành**	**Tổng thu nhập sau thuế**
1	Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch HĐQT	166.548.000	0	166.548.000
2	Ông Châu Tuấn	Nguyên Chủ tịch HĐQT	147.682.400	131.056.000	278.738.400
3	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Ủy viên, Giám đốc	1.894.055.010	104.845.000	1.998.900.010
4	Ông Nguyễn Đức Hanh	Ủy viên	1.030.034.468	87.371.000	1.117.405.468
5	Bà Lê Diễm Anh	Ủy viên	313.294.900	87.371.000	400.665.900
6	Ông Đỗ Ngọc Quang	Ủy viên	294.634.900	87.371.000	382.005.900
Tổng cộng			**3.846.249.678**	**498.014.000**	**4.344.263.678**

BAN KIỂM SOÁT					
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Lương, thù lao và các lợi ích khác**	**Thưởng BQL điều hành**	**Tổng thu nhập sau thuế**
1	Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS	968.272.903	34.948.000	1.003.220.903
2	Bà Đỗ Thu Hà	Ủy viên	266.524.600	17.474.000	283.998.600
3	Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Ủy viên	266.524.600	17.474.000	283.998.600
Tổng cộng			**1.501.322.103**	**69.896.000**	**1.571.218.103**

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG					
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Lương, thù lao và các lợi ích khác**	**Thưởng BQL điều hành**	**Tổng thu nhập sau thuế**
1	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	1.359.221.018	87.371.000	1.446.592.018
3	Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	1.230.330.816	87.371.000	1.317.701.816
4	Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	1.205.563.539	34.948.000	1.240.511.539
Tổng cộng			**3.795.115.373**	**209.690.000**	**4.004.805.373**

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	**Bà Phạm Thị Bích Chi**	Người liên quan của Ông Châu Tuấn (Chủ tịch HĐQT)	28.077	0,11%	25.477	0,10%	Bán 2.600 CP (đáp ứng nhu cầu tài chính cá nhân)

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Các giao dịch, hợp đồng mua bán giữa Công ty với các bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính của Công ty được đính kèm.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

- Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.
- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán***

(Đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Ngô Thị Ngọc Duyên

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Thành viên độc lập của hãng UHY Quốc Tế

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504, thay đổi lần thứ 13 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/07/2025 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các Cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2025 với mã số chi nhánh là 0303185504-001.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc được đặt tại Lô CN01, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc: Sản xuất đầu lọc thuốc lá; In trên bao bì; Bán buôn vật tư phục vụ công nghiệp; Bán buôn hàng kim khí điện máy, máy móc - thiết bị cơ khí.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Hội đồng Quản trị

Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm kể từ ngày 16/06/2025
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm kể từ ngày 16/06/2025
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại kể từ ngày 16/06/2025
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên	
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên	Bổ nhiệm lại kể từ ngày 16/06/2025
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Bổ nhiệm lại kể từ ngày 01/07/2025
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2025 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Nguyễn Hoàng Minh
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu,
Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số. 23 /2026/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phan Thanh Điền
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.824.744.334.763**	**1.841.282.095.680**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**44.793.530.323**	**32.039.406.447**
Tiền	111		44.793.530.323	32.039.406.447
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**391.738.943.718**	**345.815.712.275**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	387.709.225.019	338.549.559.575
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.339.018.699	4.676.722.700
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.690.700.000	2.589.430.000
Hàng tồn kho	**140**	9	**1.336.956.554.629**	**1.391.721.925.552**
Hàng tồn kho	141		1.336.956.554.629	1.391.721.925.552
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**51.255.306.093**	**71.705.051.406**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	11.794.929.065	12.578.768.623
Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.460.377.028	59.126.282.783
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**97.967.977.897**	**113.993.727.923**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**7.500.000**	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	7.500.000	-
Tài sản cố định	**220**		**88.692.597.872**	**110.498.801.204**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	85.416.037.462	106.875.855.954
- Nguyên giá	*222*		*883.950.362.801*	*861.354.910.542*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(798.534.325.339)*	*(754.479.054.588)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.276.560.410	3.622.945.250
- Nguyên giá	*228*		*20.284.449.299*	*19.514.449.299*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(17.007.888.889)*	*(15.891.504.049)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.136.160.000**	**105.194.216**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.136.160.000	105.194.216
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	12	**6.000.000.000**	**3.229.348.753**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.770.651.247)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**131.720.025**	**160.383.750**
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	131.720.025	160.383.750
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.922.712.312.660**	**1.955.275.823.603**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**959.669.887.814**	**1.045.472.119.467**
Nợ ngắn hạn	**310**		**943.655.342.319**	**1.024.694.765.723**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	271.399.689.557	323.456.984.840
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.524.293.370	14.185.619.695
Phải trả người lao động	314		26.154.083.510	29.268.843.546
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	7.757.260.729	458.327.470
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.554.640.594	48.767.580
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	597.868.035.136	645.046.129.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.397.339.423	12.230.093.222
Nợ dài hạn	**330**		**16.014.545.495**	**20.777.353.744**
Phải trả dài hạn khác	337	17	555.270.553	1.772.353.744
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		15.459.274.942	19.005.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**963.042.424.846**	**909.803.704.136**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**963.042.424.846**	**909.803.704.136**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*262.075.830.000*	*262.075.830.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		368.900.229.366	343.870.353.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		267.218.965.480	239.010.120.866
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*85.170.056.516*	*88.781.032.024*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*182.048.908.964*	*150.229.088.842*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.922.712.312.660**	**1.955.275.823.603**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**4.136.289.141.326**	**3.691.795.747.506**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	87.457.900	71.931.185
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**4.136.201.683.426**	**3.691.723.816.321**
Giá vốn hàng bán	11	23	3.721.388.380.391	3.284.713.078.582
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**414.813.303.035**	**407.010.737.739**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	7.590.854.304	11.669.536.922
Chi phí tài chính	22	25	63.774.970.922	71.024.314.372
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*20.599.409.410*	*19.121.439.107*
Chi phí bán hàng	25	26	32.099.231.478	45.179.244.546
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	98.944.459.851	112.988.621.976
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**227.585.495.088**	**189.488.093.767**
Thu nhập khác	31	27	382.508.235	2.179.673.948
Chi phí khác	32	28	-	1.375.769.837
Lợi nhuận khác	**40**		**382.508.235**	**803.904.111**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**227.968.003.323**	**190.291.997.878**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	45.919.094.359	40.062.909.036
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**182.048.908.964**	**150.229.088.842**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**30**	**6.946**	**4.817**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**30**	**6.946**	**4.817**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**227.968.003.323**	**190.291.997.878**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		42.082.707.638	35.390.424.739
Các khoản dự phòng	03		(2.770.651.247)	2.770.651.247
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.875.973)	607.295.242
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(76.586.950)	(664.430.274)
Chi phí lãi vay	06		20.599.409.410	19.121.439.107
Các điều chỉnh khác	07		-	19.005.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***287.758.006.201***	***266.522.377.939***
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(28.282.668.688)	(77.140.153.030)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		54.765.370.923	(296.884.489.006)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(45.362.912.166)	58.449.630.355
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		812.503.283	(57.807.212)
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.459.951.938)	(19.187.459.794)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(41.700.461.826)	(43.264.754.384)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.680.000	3.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18.296.067.158)	(19.398.674.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***189.260.498.631***	***(130.958.329.159)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.573.881.843)	(89.191.529.230)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	584.299.852
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		76.586.950	80.130.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(24.497.294.893)***	***(94.527.098.956)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.854.117.153.417	2.207.682.070.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.901.295.247.651)	(1.873.012.793.413)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(104.830.332.000)	(104.830.332.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(152.008.426.234)***	***229.838.944.587***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**12.754.777.504**	**4.353.516.472**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**32.039.406.447**	**27.684.777.127**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(653.628)	1.112.848
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**44.793.530.323**	**32.039.406.447**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504, thay đổi lần thứ 13 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/07/2025 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2 Đường D, Khu Công Nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 306 người và tại ngày 01/01/2025 là 311 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên kết. Công ty có Công ty liên doanh là Công ty TNHH Bao Bì C & A như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2025 với mã số chi nhánh là 0303185504-001.

Chi nhánh Công ty cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc được đặt tại Lô CN01, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cát Lợi tại Miền Bắc: Sản xuất đầu lọc thuốc lá; In trên bao bì; Bán buôn vật tư phục vụ công nghiệp; Bán buôn hàng kim khí điện máy, máy móc - thiết bị cơ khí.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 30 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT- BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các phí phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và được ghi nhận vào thu nhập trong năm.

Mức khấu hao của tài sản được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với khung thời gian trích khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định khung thời gian trích khấu hao từ 02 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Công ty liên doanh phải tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty được đầu tư bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty được đầu tư. Nếu công ty được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính năm và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phần mềm và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phần mềm và các chi phí khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng.

4.12 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh chi phí lãi vay trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có các nghĩa vụ về nợ phải trả hiện tại và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi nhận Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

4.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.18 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT- BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động lĩnh vực của Công ty gồm sản xuất Cây dầu lọc; In nhãn tút; Giấy sáp, lưỡi gà và sản phẩm khác.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt lớn về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, Công ty liên doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tiền mặt	803.811.000	312.228.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.989.719.323	31.727.178.447
Cộng	**44.793.530.323**	**32.039.406.447**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	**387.709.225.019**	**338.549.559.575**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	9.369.054.756	13.806.744.602
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	189.862.986.182	138.621.405.947
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	57.011.392.932	62.065.868.857
- Đối tượng khác	131.465.791.149	124.055.540.169
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 32)	**340.333.700.862**	**309.849.610.616**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**2.339.018.699**	**4.676.722.700**
- Công ty TNHH MTV Thiết Bị Khoa học HTI	1.311.228.000	-
- Công ty TNHH TM Bảo Quốc	424.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện lạnh R.E.E	-	2.700.000.000
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Đỉnh	-	623.927.700
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Đại Dương Mới	61.875.000	616.000.000
- Công ty TNHH TM DV& SX Đồng phục Đan Thanh	156.127.500	113.184.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	385.788.199	623.611.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**1.690.700.000**	-	**2.589.430.000**	-
- Tạm ứng	-	-	791.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.690.700.000	-	1.797.930.000	-
Dài hạn	**7.500.000**	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	7.500.000	-	-	-
Cộng	**1.698.200.000**	-	**2.589.430.000**	-

(*) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê kho là 1.500.000.000 đồng, đặt cọc thuê xe nâng là 143.000.000 đồng và các khoản đặt cọc khác là 47.700.000 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	34.507.788.434	-	109.885.499.016	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.195.503.837.777	-	1.188.493.408.236	-
Công cụ, dụng cụ	180.940.630	-	23.005.274	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.353.755	-	125.540.520	-
Thành phẩm	106.655.708.449	-	93.057.363.026	-
Hàng hóa	22.925.584	-	137.109.480	-
Cộng	**1.336.956.554.629**	-	**1.391.721.925.552**	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	**33.307.920.490**	**805.456.820.439**	**15.775.908.167**	**6.814.261.446**	**861.354.910.542**
- Mua trong năm	498.160.000	22.097.292.259	-	-	22.595.452.259
Tại 31/12/2025	**33.806.080.490**	**827.554.112.698**	**15.775.908.167**	**6.814.261.446**	**883.950.362.801**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2025	**(31.282.264.887)**	**(702.612.623.011)**	**(14.021.374.078)**	**(6.562.792.612)**	**(754.479.054.588)**
- Khấu hao trong năm	(662.297.603)	(42.051.500.681)	(1.098.698.076)	(242.774.391)	(44.055.270.751)
Tại 31/12/2025	**(31.944.562.490)**	**(744.664.123.692)**	**(15.120.072.154)**	**(6.805.567.003)**	**(798.534.325.339)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	**2.025.655.603**	**102.844.197.428**	**1.754.534.089**	**251.468.834**	**106.875.855.954**
Tại 31/12/2025	**1.861.518.000**	**82.889.989.006**	**655.836.013**	**8.694.443**	**85.416.037.462**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 729.630.482.297 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 726.868.952.913 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là: 29.995.474.738 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 29.995.474.738 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là: 301.580.107 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 473.911.597 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	**15.502.607.589**	**4.011.841.710**	**19.514.449.299**
- Mua trong năm	-	770.000.000	770.000.000
Tại 31/12/2025	**15.502.607.589**	**4.781.841.710**	**20.284.449.299**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2025	**(12.292.990.464)**	**(3.598.513.585)**	**(15.891.504.049)**
- Khấu hao trong năm	(350.140.050)	(766.244.790)	(1.116.384.840)
Tại 31/12/2025	**(12.643.130.514)**	**(4.364.758.375)**	**(17.007.888.889)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	**3.209.617.125**	**413.328.125**	**3.622.945.250**
Tại 31/12/2025	**2.859.477.075**	**417.083.335**	**3.276.560.410**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 4.011.841.710 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.954.716.710 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là: 15.502.607.589 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 15.502.607.589 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là: 2.859.477.075 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 3.209.617.125 đồng).

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2025			Tại 01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh						
- Công ty TNHH Bao Bì C & A (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753
Tổng cộng	**6.000.000.000**	**-**	**6.000.000.000**	**6.000.000.000**	**(2.770.651.247)**	**3.229.348.753**

(*) Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Bao Bì C & A, với giá trị phần góp vốn là 6.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50%. Công ty TNHH Bao Bì C & A được thành lập vào ngày 18/01/2024 với vốn điều lệ là 12.000.000.000 đồng, địa chỉ trụ sở chính tại số 38A Đại lộ Hữu Nghị, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Bao Bì C & A là sản xuất bao bì từ giấy và bìa.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**11.794.929.065**	**12.578.768.623**
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.434.611.332	9.682.936.575
- Chi phí khác	3.360.317.733	2.895.832.048
Dài hạn	**131.720.025**	**160.383.750**
- Chi phí khác	131.720.025	160.383.750

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**271.399.689.557**	**271.399.689.557**	**323.456.984.840**	**323.456.984.840**
- Công ty Intelligent Joy Int'l Hongkong Limited	35.652.472.050	35.652.472.050	18.291.960.900	18.291.960.900
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	65.446.749.862	65.446.749.862	60.027.317.869	60.027.317.869
- Công ty Nomura	64.759.103.017	64.759.103.017	78.782.113.728	78.782.113.728
- Công ty TNHH Bao Bì giấy nhôm Newtoyo	28.345.536.900	28.345.536.900	29.983.007.952	29.983.007.952
- Công ty British American Tobacco	4.873.860.819	4.873.860.819	17.556.166.197	17.556.166.197
- Metsa Board Corporation	5.935.931.779	5.935.931.779	3.092.159.280	3.092.159.280
- Các khoản phải trả người bán khác	66.386.035.130	66.386.035.130	115.724.258.914	115.724.258.914
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 32)	**77.718.554.893**	**77.718.554.893**	**68.011.683.103**	**68.011.683.103**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2025		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế và các khoản phải nộp, phải thu	**14.185.619.695**	**-**	**183.008.071.668**	**176.669.397.993**	**20.524.293.370**	**-**
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	110.823.417.794	110.823.417.794	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	10.444.521.362	10.444.521.362	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.316.975.746	-	45.919.094.359	41.700.461.826	13.535.608.279	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.868.643.949	-	14.981.971.728	12.861.930.586	6.988.685.091	-
- Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	24.366.218	24.366.218	-	-
- Thuế nhà thầu	-	-	801.760.139	801.760.139	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.000	1.000	-	-
- Thuế giá trị gia tăng thuê nhà	-	-	8.939.068	8.939.068	-	-

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
- Trích trước chi phí lãi vay	597.784.942	458.327.470
- Chi phí đóng gói, sắp xếp hàng hóa	6.459.853.846	-
- Các khoản chi phí khác	699.621.941	-
Cộng	**7.757.260.729**	**458.327.470**

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**1.554.640.594**	**48.767.580**
- Kinh phí công đoàn	70.343.720	48.767.580
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.462.296.874	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.000.000	-
b) Dài hạn	**555.270.553**	**1.772.353.744**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	555.270.553	1.772.353.744
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	**2.109.911.147**	**1.821.121.324**

(*) Là các khoản nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà, với tổng giá trị là 555.270.553 đồng.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2025		Trong năm		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**597.868.035.136**	**597.868.035.136**	**1.854.117.153.417**	**1.901.295.247.651**	**645.046.129.370**	**645.046.129.370**
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (1)	357.319.825.536	357.319.825.536	991.533.604.932	934.692.334.260	300.478.554.864	300.478.554.864
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (2)	199.085.584.580	199.085.584.580	773.558.572.065	840.671.475.166	266.198.487.681	266.198.487.681
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh (3)	41.462.625.020	41.462.625.020	89.024.976.420	125.931.438.225	78.369.086.825	78.369.086.825
b) Vay dài hạn	-	-			-	-
Cộng	**597.868.035.136**	**597.868.035.136**	**1.854.117.153.417**	**1.901.295.247.651**	**645.046.129.370**	**645.046.129.370**

(1) Khoản vay từ Hợp đồng cấp tín dụng số 3/650042/25-DN1/N-CTD ngày 14/02/2025 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn khoản vay tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Bao gồm các khoản vay sau:

Khoản vay từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.732011/2025-HĐCVHM/NHCT900-CATLOI ngày 29/05/2025, với hạn mức cho vay không quá 300.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 29/05/2025 đến hết ngày 28/05/2026. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 24.479003/2024-HĐCVHM/NHCT900-CATLOI ngày 16 tháng 09 năm 2024, với hạn mức cho vay không quá 300.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 16/09/2024 đến hết ngày 30/11/2024 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 24.479003/2024-HĐLCHM-SĐBS01/NHCT900-CATLOI ngày 22/11/2024 về việc duy trì hạn mức đến hết ngày 31/05/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(3) Khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925 ngày 14/10/2013, được gia hạn bởi phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925_PL2024 ngày 21/10/2024 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 120.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng cho đến ngày 14/10/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
Cộng	**100%**	**262.075.830.000**	**262.075.830.000**

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.075.830.000	262.075.830.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	104.830.332.000	104.830.332.000

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
+ Cổ phiếu phổ thông	*26.207.583*	*26.207.583*
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
+ Cổ phiếu phổ thông	*26.207.583*	*26.207.583*
* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)*	*10.000*	*10.000*

19.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	368.900.229.366	343.870.353.270
Cộng	**368.900.229.366**	**343.870.353.270**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.5 • BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**323.138.546.696**	**229.146.519.328**	**879.208.296.024**
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	150.229.088.842	150.229.088.842
- Phân phối lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	20.731.806.574	(140.365.487.304)	(119.633.680.730)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*20.731.806.574*	*(20.731.806.574)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(14.036.548.730)*	*(14.036.548.730)*
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	*(766.800.000)*	*(766.800.000)*
+ Chia cổ tức năm 2023 (40%)	-	-	-	*(104.830.332.000)*	*(104.830.332.000)*
Tại 31/12/2024	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**343.870.353.270**	**239.010.120.866**	**909.803.704.136**
Tại 01/01/2025	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**343.870.353.270**	**239.010.120.866**	**909.803.704.136**
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	182.048.908.964	182.048.908.964
- Phân phối lợi nhuận năm 2024 (**)	-	-	25.029.876.096	(153.840.064.350)	(128.810.188.254)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*25.029.876.096*	*(25.029.876.096)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(23.202.256.254)*	*(23.202.256.254)*
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	*(777.600.000)*	*(777.600.000)*
+ Chia cổ tức năm 2024 (40%)	-	-	-	*(104.830.332.000)*	*(104.830.332.000)*
* Từ lợi nhuận tăng thêm năm 2023	-	-	-	(3.610.975.508)	(3.610.975.508)
* Từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(101.219.356.492)	(101.219.356.492)
Tại 31/12/2025	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**368.900.229.366**	**267.218.965.480**	**963.042.424.846**

(*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27 tháng 05 năm 2024.

(**) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 282/NQ-CPCL ngày 16 tháng 06 năm 2025.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	7.518.354.384	5.161.748.450
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	3.650,90	34.067,01
- EUR	1.167,96	1.175,35
- GBP	86,75	93,35
- JPY	19.085,00	20.537,00

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**4.136.289.141.326**	**3.691.795.747.506**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	4.070.625.966.545	3.647.653.543.847
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	39.011.425.811	24.486.522.853
Doanh thu gia công, chế biến	4.915.040.385	1.505.228.568
Doanh thu phế liệu thu hồi	20.425.890.619	16.877.867.412
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.310.817.966	1.272.584.826
Cộng	**4.136.289.141.326**	**3.691.795.747.506**
b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 32)	**3.786.463.948.421**	**3.327.753.967.881**

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	87.457.900	71.931.185
Cộng	**87.457.900**	**71.931.185**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của thành phẩm	3.661.218.885.805	3.242.903.629.776
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	36.908.052.504	23.176.173.910
Giá vốn gia công chế biến	2.029.524.909	942.818.188
Giá vốn phế liệu thu hồi	20.425.890.619	16.877.867.412
Giá vốn của dịch vụ khác	806.026.554	812.589.296
Cộng	**3.721.388.380.391**	**3.284.713.078.582**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	76.586.950	80.130.422
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.191.366.629	11.589.406.500
Lãi do đánh giá lại số dư cuối năm	44.875.973	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.278.024.752	-
Cộng	**7.590.854.304**	**11.669.536.922**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	20.599.409.410	19.121.439.107
Chiết khấu thanh toán	40.853.458.780	33.925.100.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.092.753.979	14.599.828.334
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối năm	-	607.295.242
Dự phòng tổn thất đầu tư	(2.770.651.247)	2.770.651.247
Cộng	**63.774.970.922**	**71.024.314.372**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản chi phí bán hàng	**32.099.231.478**	**45.179.244.546**
Quảng cáo, thị trường	1.447.439.038	10.648.947.929
Cước vận chuyển, bốc xếp	30.197.706.100	34.076.750.639
Chi phí vật liệu bao bì	69.588.799	55.355.059
Chi phí khác bằng tiền	384.497.541	398.190.919
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**98.944.459.851**	**112.988.621.976**
Chi phí nhân viên quản lý	71.469.886.372	65.951.678.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.923.944.007	2.362.436.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.641.136.622	5.386.567.710
Chi phí khác bằng tiền	18.909.492.850	20.282.939.110
Chi phí quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	19.005.000.000

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu thanh lý TSCĐ	-	584.299.852
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	254.090.000	123.140.000
Tiền bồi hoàn hàng hóa hư hỏng	-	1.381.986.518
Thu nhập khác	128.418.235	90.247.578
Cộng	**382.508.235**	**2.179.673.948**

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí hàng hóa hư hỏng	-	1.348.958.344
Chi phí khác bằng tiền	-	26.811.493
Cộng	**-**	**1.375.769.837**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**227.968.003.323**	**190.291.997.878**
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.627.468.470**	**10.022.547.302**
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.627.468.470	10.022.547.302
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	**229.595.471.793**	**200.314.545.180**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**45.919.094.359**	**40.062.909.036**

30. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	182.048.908.964	150.229.088.842
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	182.048.908.964	150.229.088.842
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(23.979.856.254)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	26.207.583	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**6.946**	**4.817**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	**6.946**	**4.817**

(*) Trong năm 2025, lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích quỹ này trong năm.

Ngoài ra, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 282/NQ-CPCL ngày 16/06/2025. Do đó, Công ty trình bày lại số liệu so sánh trong năm 2024 khi tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12/2025 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

	Mã số	Năm 2024 (Số đã báo cáo) VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2024 (Số trình bày lại) VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		150.229.088.842	-	150.229.088.842
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)		15.022.908.884	8.956.947.370	23.979.856.254
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**70,71**	**5.159**	**(342)**	**4.817**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.442.578.898.800	3.051.466.823.653
Chi phí nhân công	157.144.272.121	148.537.900.787
Khấu hao tài sản cố định	42.082.707.638	35.390.424.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.191.221.352	64.848.087.688
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	4.519.287.007	6.107.060.498
Chi phí bằng tiền khác	85.399.892.493	81.475.917.850
Chi phí quỹ khoa học công nghệ	-	19.005.000.000
Cộng	**3.801.916.279.411**	**3.406.831.215.215**

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc là Đồng Tháp	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	Công ty liên doanh của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Bao bì C & A	Công ty liên doanh của Công ty
Chi nhánh Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Trung tâm đào tạo Vinataba	Đơn vị thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch HĐQT
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên HĐQT
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**3.757.014.266.336**	**3.311.365.373.604**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	2.133.402.282.290	1.662.363.256.387
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	663.171.273.395	680.453.896.805
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	176.620.009.535	160.325.196.150
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	96.256.925.680	149.643.815.120
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	28.822.849.095	49.729.183.460
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	97.840.647.170	107.280.752.245
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	74.788.526.590	83.865.700.916
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	131.216.895.473	111.646.371.034
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	112.845.668.385	70.063.076.030
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	87.908.955.145	91.240.755.790
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	97.161.144.170	92.701.325.665
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	40.489.873.648	46.305.921.369
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	15.095.179.125	3.097.894.480
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.155.425.985	1.112.579.118
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	201.600.000	1.467.909.800
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	37.010.650	67.739.235
Doanh thu (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết	**29.449.682.085**	**16.388.594.277**
- Công Ty TNHH Bao Bì C & A	29.449.682.085	16.388.594.277
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**1.533.440.725.564**	**1.266.604.226.542**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	42.000.000	41.400.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	20.200.000	11.990.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	393.664.760	382.671.200
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	17.750.116.921	-
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	5.263.917.646	1.123.887.164
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	854.002.655	625.818.710
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	1.443.649.316.241	1.196.881.011.683
- Công ty Thương mại Miền Nam	29.812.752.045	33.450.931.929
- Trung tâm Đào tạo Vinataba	45.277.776	77.685.183
- Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	152.542.870	135.080.065
- Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	35.456.934.650	33.873.750.608
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết	**18.766.059.010**	**10.319.241.434**
- Công ty TNHH Bao Bì C & A	18.766.059.010	10.319.241.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác từ bên liên quan	**128.418.235**	**90.247.678**
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	128.418.235	90.247.678
Chiết khấu thanh toán cho bên liên quan	**40.853.458.780**	**33.925.100.442**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	33.640.664.267	26.516.338.929
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	7.212.794.513	7.408.761.513
Cổ tức trả trong năm	**104.830.332.000**	**104.830.332.000**
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	53.464.320.000	53.464.320.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6.690.160.000	6.690.160.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4.270.432.000	4.270.432.000
- Cổ đông khác	40.405.420.000	40.405.420.000

Số dư với các bên liên quan	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**336.895.043.996**	**300.461.645.115**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	189.862.986.182	138.621.405.947
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	57.011.392.932	62.065.868.857
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	18.884.003.310	17.357.175.612
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	8.901.883.800	10.989.032.128
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	6.667.876.508	6.369.225.565
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	7.018.504.745	12.338.559.129
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	9.369.054.756	13.806.744.602
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	4.685.504.174	7.205.125.598
- Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	6.211.456.142	3.885.302.370
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	9.879.788.748	10.700.175.454
- Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	17.365.401.397	17.003.611.620
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	853.225.844	44.128.800
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	183.965.458	75.289.433

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng với bên liên quan là Công ty liên doanh	**3.438.656.866**	**9.387.965.501**
- Công ty TNHH Bao bì C & A	3.438.656.866	9.387.965.501
Phải trả người bán với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**73.692.910.707**	**66.644.947.423**
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc lá	65.446.749.862	60.027.317.869
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	4.980.890.547	1.968.035.130
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	2.320.705.925	3.857.460.174
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	944.564.373	792.134.250
Phải trả người bán với bên liên quan là Công ty liên doanh	**4.025.644.186**	**1.366.735.680**
- Công ty TNHH Bao bì C & A	4.025.644.186	1.366.735.680

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc		**9.247.012.057**	**8.495.319.626**
Bà Ngô Thị Ngọc Duyên	Chủ tịch	173.320.000	-
Ông Châu Tuấn	Nguyên Chủ tịch	301.376.000	517.896.000
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên	424.451.000	474.412.000
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên	424.451.000	474.412.000
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên	1.514.574.399	1.670.114.070
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên, Giám đốc	2.797.670.680	2.407.278.587
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	1.878.630.399	1.558.737.344
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	1.732.538.579	1.392.469.625
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng		**3.360.739.038**	**3.217.434.629**
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng ban	1.203.100.019	1.303.027.046
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên	315.554.000	306.834.000
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên	315.554.000	306.834.000
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	1.526.531.019	1.300.739.583
Cộng		**12.607.751.095**	**11.712.754.255**

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sáp, lưỡi gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn tút VND	Giấy sáp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Năm 2025					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	2.798.176.144.280	913.330.866.000	359.031.498.365	65.663.174.781	4.136.201.683.426
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.710.513.000.603	831.532.891.509	306.112.442.148	60.075.345.843	3.908.233.680.103
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**87.663.143.677**	**81.797.974.491**	**52.919.056.217**	**5.587.828.938**	**227.968.003.323**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	22.810.891.804	554.560.455	-	-	23.365.452.259
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					1.922.712.312.660
Tổng tài sản					**1.922.712.312.660**
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					959.669.887.814
Tổng nợ phải trả					**959.669.887.814**

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn túi VND	Giấy sáp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Năm 2024					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	2.523.396.241.585	784.619.265.311	339.566.105.766	44.142.203.659	3.691.723.816.321
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.467.212.744.702	701.621.047.518	291.551.616.385	41.046.409.838	3.501.431.818.443
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**56.183.496.883**	**82.998.217.793**	**48.014.489.381**	**3.095.793.821**	**190.291.997.878**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.870.586.698	118.066.837.571	-	1.089.380.909	121.026.805.178
Tài sản không phân bổ					1.955.275.823.603
Tổng tài sản					**1.955.275.823.603**
Nợ phải trả không phân bổ					1.045.472.119.467
Tổng nợ phải trả					**1.045.472.119.467**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÁC THÔNG TIN KHÁC

34.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 30 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh